

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1149/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 11 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bộ tiêu chí thôn đạt chuẩn nông thôn mới áp dụng trên
địa bàn các xã miền núi tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2019 - 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ thôn, bản, ấp của các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí của tỉnh Quảng Ngãi về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 3761/SNNPTNT-NTM ngày 30/11/2018,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí thôn đạt chuẩn nông thôn mới áp dụng trên địa bàn các xã miền núi tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2019 - 2020.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh cân đối bố trí các nguồn vốn ngân sách nhà nước và nguồn vốn huy động hợp pháp khác để hỗ

trợ các thôn xây dựng thôn đạt chuẩn nông thôn mới theo đúng mục tiêu kế hoạch.

3. Chủ tịch UBND các huyện chỉ đạo các xã lựa chọn thôn để thực hiện; lập kế hoạch, giám sát, kiểm tra, đôn đốc các thôn đạt chuẩn nông thôn mới theo kế hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4: Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện; Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Văn phòng Điều phối NTM Trung ương;
- VPUB: CPVP, các P.N/cứu, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Ngọc Căng

**BỘ TIÊU CHÍ THÔN ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN
2019-2020**

*(Ban hành theo Quyết định số 149/QĐ-UBND ngày 11/12/2018
của UBND tỉnh Quảng Ngãi)*



TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
1	Giao thông	1.1 Đường trục thôn và đường liên thôn đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.	Đảm bảo quy mô kỹ thuật đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường cấp C (theo Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải) được cứng hóa tối thiểu 55%
		1.2. Đường ngõ xóm sạch và không lấy lợi vào mùa mưa.	Đảm bảo quy mô kỹ thuật đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường cấp C (theo Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải) được cứng hóa tối thiểu 55%
2	Thủy lợi	2.1. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.	Đạt
		2.2. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động.	≥ 80%
3	Điện	3.1. Hệ thống cung cấp điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, an toàn theo quy định.	Đạt
		3.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên từ các nguồn.	≥ 98%
4	Cơ sở vật chất văn hóa	Thôn có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Đạt
5	Nhà ở dân cư	5.1. Nhà tạm, nhà dột nát.	Không
		5.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định.	≥ 80%

6	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người trong thôn(triệu đồng/người/năm).	Năm 2019 \geq 20
			Năm 2020 \geq 23
7	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều theo tiêu chí nông thôn mới (<i>áp dụng theo chuẩn nghèo hàng năm của Bộ Lao động-Thương binh và xã hội</i>).	\leq 5%
8	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia tham gia lao động.	\geq 90%
9	Giáo dục và đào tạo	9.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở.	Đạt
		9.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông ,bổ túc, học nghề).	\geq 80%
		9.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo.	\geq 40%
10	Văn hóa	10.1. Thôn được công nhận và giữ danh hiệu “Thôn văn hóa”.	Đạt
		10.2. Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn “Gia đình văn hóa”.	\geq 80%
		10.3. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; không có hành vi truyền bá và hành nghề mê tín dị đoan.	\geq 80%
		10.4. Tỷ lệ người dân được phổ biến và thực hiện tốt chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và Hương ước của thôn; tham gia cuộc vận động xây dựng Nông thôn mới.	100%
11	Y tế	11.1. Tỷ lệ người dân tham gia BHYT.	100%

		11.2. Có tối thiểu 01 nhân viên y tế thôn hoặc được đào tạo theo khung chương trình do Bộ Y tế quy định; thường xuyên hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao; hàng tháng có giao ban chuyên môn với Trạm Y tế xã.	Đạt
		11.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao tối thiểu).	$\leq 31,4\%$
12	Môi trường và an toàn thực phẩm	12.1. Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh.	$\geq 90\%$
		12.2. Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo "3 sạch" (sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ).	$\geq 80\%$
		12.3. Thôn có tổ thu gom rác thải hoặc hộ gia đình có hồ thu gom và xử lý rác thải tại gia theo quy định.	Đạt
		12.4. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.	$\geq 75\%$
		12.5. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm trên địa bàn tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.	100%
13	Tổ chức cộng đồng	13.1. Có Ban phát triển thôn hoạt động theo quy chế do cộng đồng bầu và được UBND xã công nhận.	Đạt
		13.2. Có quy ước, hương ước thôn được đại đa số ($\geq 95\%$) người dân thông qua và cam kết thực hiện.	Đạt
		13.3. Có kế hoạch thực hiện từng tiêu chí hàng năm và cả giai đoạn, được lập theo phương pháp có sự tham gia của cộng đồng và được UBND	Đạt

		xã xác nhận.	
14	An ninh trật tự xã hội	Thôn đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự: Không có hoạt động tuyên truyền, xuyên tạc, kích động, gây chia rẽ nội bộ Nhân dân; không có các hoạt động truyền đạo trái pháp luật gây mất an ninh trật tự; không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra tội phạm đặc biệt nghiêm trọng trên địa bàn; các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và các vi phạm pháp luật khác được kiểm chế hoặc giảm so với năm trước.	Đạt
15	Tuân thủ pháp luật	15.1. Tỷ lệ người dân chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, không bị phê bình, cảnh cáo trở lên.	$\geq 95\%$
		15.2. Thực hiện đầy đủ, đúng thời gian các nghĩa vụ đóng góp theo quy định của pháp luật; các khoản đã thống nhất trong cộng đồng dân cư.	Đạt